

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 08 đến 14/03/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa, lượng mưa dưới 10mm, có nơi trên 20mm như Bắc Quang (Hà Giang) 39.9mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tương đương với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 69%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 72%. + - Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế xấp xỉ so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 40%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 45%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái ít biến đổi và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 68%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 57%. + - Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế xấp xỉ so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 54%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 53%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 7-60mm, có nơi trên 70mm như Sơn Động (Bắc Giang) 72.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy xuất hiện dao động nhỏ; tổng lượng

dòng chảy tại trạm Gia Bảy tương đương so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 335%.
+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 177%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm, có nơi trên 20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 324%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 88%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 5-40mm, có nơi trên 40mm như Nam Đông (Tp. Huế) 47.1mm
Tổng lượng dòng chảy: + Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 41%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 22%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 16%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 55%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 454%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 10-50mm, có nơi trên 80mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 27%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 5%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 56%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 12%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 296%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2-40mm, có nơi trên 40mm như Hội An (Quảng Nam) 45.2mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 48% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 129%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 29%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 49%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 59%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 137% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 77%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-100mm, có nơi trên 130mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 48%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 129%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 43% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn so với TBNN 70%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, lượng mưa dưới 15mm; có nơi trên 70mm như Tà Lài (Đồng Nai) 73.2mm.

Tổng lượng dòng chảy:

- + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần qua, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla ở mức xấp xỉ so với tuần trước, sông Krông Ana biến đổi theo xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 6%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN khoảng 45%.
- + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm.

Tổng lượng dòng chảy:

- + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và Krông Ana biến đổi ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 12%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 26%.
- + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc sẽ cao hơn mức TBNN từ 35-38%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/03/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/03/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	0	<100	1.2	1	0	1.7	12.7	0.8	1.4	18.8	>160
	Sơn La	0	<100	10.5	1.1	0	0.2	3.4	0	1	16.2	>136
	Hòa Bình	0	<100	3.8	7.5	0	0	0.2	2.1	0.6	14.2	>128
	Lào Cai	1.8	<70	3.9	9.2	0	1.8	1.9	0.1	3.7	20.6	>287
	Yên Bái	1.9	<79	6.8	6.8	0	0	1.1	0.3	2	17	>55
	Tuyên Quang	0	<100	7.2	4.5	0	0.1	0.7	0.3	0.4	13.2	>93
	Hà Giang	0.5	<95	12.5	10	0	0.4	4.7	2.2	1.9	31.7	>231
	Láng	0.3	<97	5.1	2	0	0.2	0	0.3	0.1	7.7	<23
	Thái Bình	1.9	<75	2.9	1.2	0	0.6	0	0.1	0.2	5	<50
	Nam Định	0	<100	1.1	2	0	0.3	0.7	0.3	0	4.4	<67
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	14	>101	17.7	3.9	0.1	0.2	2.4	0.1	4.7	29.1	>359
	Thái Nguyên	9.7	>26	2.1	3	0	0	0.4	0.9	0.2	6.6	<36
	Bắc Ninh	9.9	>6	0.3	1	0	0.4	0	0	0	1.7	<74
	Lạng Sơn	12.4	>57	1.3	1	0	0	0.2	0	0	2.5	<69
	Bắc Giang	3.9	<43	0.5	2.3	0	0.1	0	0	0	2.9	<73
	Hải Dương	69.1	>845	0.3	1	0	0.2	0	0	0	1.5	<84
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	2.3	<15	2.1	5.5	0	0.2	0.6	1.2	3.1	12.7	>117
	Bái Thượng	11.2	>33	0.9	1.7	0	0.2	0	2	3.9	8.7	<29
	Thanh Hóa	2.1	<64	0.3	2.7	0	0.1	0.2	3.5	6.2	13	>24
	Quỳ Châu	2.7	<72	2.2	5.4	0	0.2	0.4	0.2	5.5	13.9	>92
	Cửa Rào	6.2	>30	1.4	9.3	0.1	0.2	0.9	0	2.8	14.7	>116
	Đô Lương	3.1	<64	2.1	16.4	1.2	0.4	18	4.2	6.7	49	>526

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	8.5	<39	0.8	3.8	0	0.8	9	10.3	4.9	29.6	>218
	Hương Sơn	15.7	<12	1.3	4.5	0	0	6.6	10.9	5.5	28.8	>140
	Hương Khê	14.1	>36	2.5	14.6	0.1	0.8	12.6	3.7	3.1	37.4	>186
	Hà Tĩnh	17.6	>25	0.8	8.8	3.7	1	7.1	3.1	1.5	26	>70
	Đồng Hới	14.7	>84	4.4	17.6	24.7	2.1	6.9	9.5	1.8	67	>614
	Quảng Trị	26.5	>198	4.9	18.4	12.4	6.3	5.5	13.3	2.2	63	>929
	Nam Đông	47.1	>257	3.9	21.1	15.4	3.4	4.2	17.1	1.7	66.8	>614
	Huế	36.4	>232	7.7	25.7	18.5	2	3	24.9	3.3	85.1	>1011
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	2.4	<62	18	28.4	12.6	5.2	14.9	34.4	2.5	116	>2139
	Trà My	11.2	<33	10.1	36.4	19.8	4.7	6.6	19.6	7.7	104.9	>1211
	Ba Tơ	1.1	<91	8	18.8	27.3	4.4	6.7	23.5	12.7	101.4	>1009
	Quảng Ngãi	5.3	<60	13.7	25.4	25.4	7.1	7.9	45.4	5.3	130.2	>3906
	Quy Nhơn	28.8	>368	4.4	6.8	20	3.7	6	13.1	7.6	61.6	>855
	An Khê	0.3	<81	0.1	2.1	5.4	0.9	0.7	3.6	3.8	16.6	>575
	Tuy Hòa	32.3	>643	1.5	6.6	10.5	2.7	2.6	6.7	5.5	36.1	>457
	Nha Trang	1.9	<47	0.7	2.4	11.1	2	0.9	4.7	2.8	24.6	>209
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	6.3	<31	0	0.2	0.3	0.1	0	1.4	0.9	2.9	<61
	Lắk	0	<100	0.5	1.4	1.5	0.7	0.9	0.7	0.6	6.3	>83
	Buôn Mê Thuật	0	<100	0.6	0.1	0	1	0	3.8	5.7	11.2	<67
	Biên Hòa	10.9	>167	0.1	0.2	0.7	0.4	2.4	0.1	2.1	6	<40
	Cần Thơ	0	<100	0.3	0.2	1.7	0.6	9.3	0.5	0.7	13.3	>1155

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/03/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 01/03 đến 07/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	31	<69	4.7	4.6	4.5	4.4	4.3	4.2	4.1	30.8	<68
Lô	Tuyên Quang	75.88	<72	14	13	13	12	13	13.0	14	92	<57
Đà	Hồ Hòa Bình	495.8	>40	67	65	70	75	71	65.0	62	475	>54
Hồng	Hà Nội	683	>45	97.3	93	97	102	107	111.0	116	724	>53
Cầu	Gia Bảy	45.8	>335	8.4	7.8	6.6	5.7	5.2	5.0	4.9	43.6	>324
Lục Nam	Chũ	5.7	>177	0.6	0.5	0.49	0.45	0.41	0.4	0.38	3.2	>88
Mã	Cầm Thủy	112.5	> 41%	13.9	14.6	13.8	13.4	13.6	14.2	13.91	97.4	> 27
Cả	Yên Thượng	155.4	> 22	19.01	19.96	18.82	18.3	18.6	19.4	19.0	133.1	> 5
La	Hòa Duyệt	31.4	> 16	4.06	4.26	4.02	3.9	3.98	4.1	4.06	28.4	> 12
Tả Trách	Thượng Nhật	16.8	> 454	2	1.9	1.7	1.8	1.6	1.5	1.5	12	> 296
Thu Bồn	Nông Sơn	109.5	> 48	14	13.4	13	13.8	14.3	14.3	14.1	96.9	> 44
Trà Khúc	Sơn Giang	110.7	> 129	13.8	14.3	14.3	14.7	14.3	13.5	13.8	98.7	> 130

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 01/03 đến 07/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
Ba	Củng Sơn	16.33	<49	2.33	2.42	2.51	2.59	2.33	2.3	2.42	16.85	<43
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	23.59	>59	3.54	3.46	3.89	3.63	3.46	3.3	3.2	24.46	>70
ĐăkBlá	KonTum	20.39	< 6	2	2.31	2.44	2.34	2.53	2.8	2.89	17.4	< 12
Srêpôk	Giang Sơn	19.2	> 45	2.18	2.08	2.04	2.03	2.09	2.0	1.97	14.4	> 26
Tiền	Tân Châu			410	402	393	380	367	354.0	350	2655	>38
Hậu	Châu Đốc			57	53	50	48	50	52.0	51	360	>35